

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng **TMCP B**; Địa chỉ trụ sở : Số 16 P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện pháp luật: Ông Lưu Quyết T-Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Đình Hoàng A –Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số: 5490/2020/UQ-BVB ngày 27/10/2020).

- **Bị đơn:** Ông **Lâm Ngọc M**, sinh năm 1975 và bà **Trần Tú H**, sinh năm 1984; Cùng HKTT và nơi ở: P121 chung cư 35, đơn nguyên B1 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Ông M đại diện theo ủy quyền cho bà Hoa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP B theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0116/2018/HĐTD2/BVB020 ngày 06/02/2018 tạm tính đến ngày 05/4/2021 là: 1.166.734.118 (Một tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm mười tám) đồng, trong đó, gốc trong hạn 788.910.000 đồng, gốc quá hạn 155.540.000 đồng, lãi trong hạn 2.425.088 đồng, lãi quá hạn 185.477.603 đồng, lãi phạt 26.492.327 đồng, phí trả nợ trước hạn 7.889.100 đồng.

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0839/2017/HĐTD2/BVB020 ngày 24/10/2017 tạm tính đến ngày 05/4/2021 là: 2.431.613.599 (Hai tỷ, bốn trăm

ba mươi một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, năm trăm chín chín) đồng, trong đó, gốc trong hạn 1.544.490.000 đồng, gốc quá hạn 311.080.000 đồng, lãi trong hạn 4.933.905 đồng, lãi quá hạn 447.592.757 đồng, lãi phạt 123.516.937 đồng.

Tổng số tiền nợ phải trả tạm tính đến ngày 05/4/2021 là 3.598.347.717 (Ba tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm mười bảy) đồng.

Ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình sau:

- Ngày 25/5/2021: Trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào tiền gốc
- Ngày 25/6/2021: Trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào tiền gốc
- Ngày 25/7/2021: Trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào tiền gốc
- Ngày 25/8/2021: Trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào tiền gốc
- Ngày 25/9/2021: Trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng vào tiền gốc
- Ngày 25/10/2021: Tất toán toàn bộ số nợ còn lại

2.2. Kể từ ngày 06/4/2021 ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H vẫn tiếp tục chịu các khoản lãi tính trên số tiền nợ gốc theo nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số 0116/2018/HĐTD2/BVB020 ngày 06/02/2018 và Hợp đồng tín dụng số 0839/2017/HĐTD2/BVB020 ngày 24/10/2017, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên.

2.3. Trường hợp ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo đúng cam kết đã thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B, tài sản bảo đảm là: Căn hộ chung cư số 121, diện tích 93,8m² thuộc thửa đất số 11P, tờ bản đồ số 6G-I-03+6G-I-04, địa chỉ: Chung cư số 35 L), đơn nguyên B1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 542545, số vào sổ cấp GCN: CS 29310 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2017 cho ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H.

Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B thì ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay. Nếu thừa thì trả lại cho ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Ngọc M và bà Trần Tú H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 51,983,477 (Năm mươi một triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi bảy) đồng.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 50.000.000

(Năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001298 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Ba Đình
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

Lê Thị Minh Huệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).